



MARKET LENS

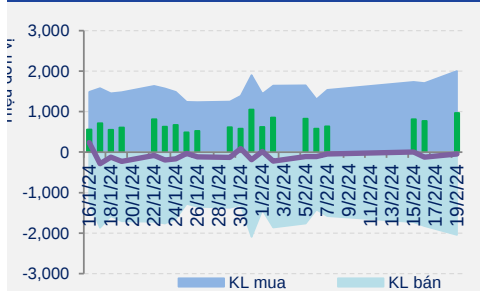
Phiên giao dịch ngày: 19/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

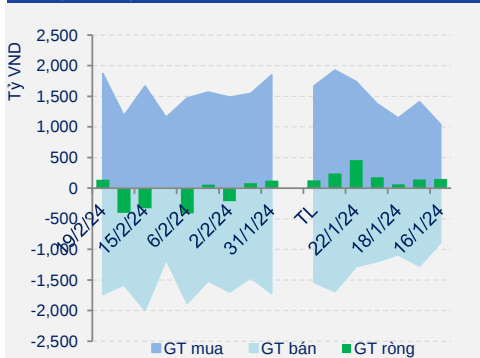
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,224.97	233.37
% Thay đổi	↑ 1.26%	↑ 0.14%
KLGD (CP)	969,303,882	87,116,830
GTGD (tỷ đồng)	24,700.81	1,680.14
Tổng cung (CP)	2,045,849,247	156,368,800
Tổng cầu (CP)	2,002,847,869	127,922,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	54,923,442	2,840,514
KL mua (CP)	58,092,336	3,154,521
GT mua (tỷ đồng)	1,869.86	63.73
GT bán (tỷ đồng)	1,732.11	68.81
GT ròng (tỷ đồng)	137.74	(5.08)

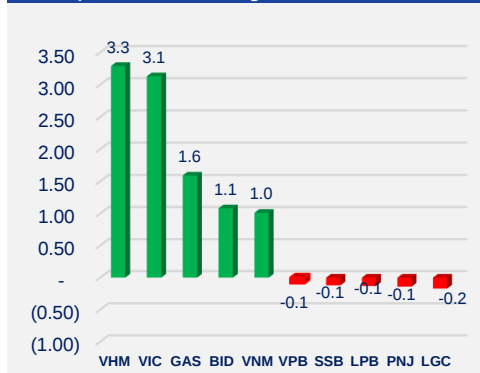
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Lực cầu ngắn hạn luân chuyển tốt sau khi thị trường vượt lên trên vùng kháng cự tâm lý mạnh 1.200 điểm với thanh khoản tăng, qua đó giúp VN-Index tiếp tục có phiên giao dịch vượt qua đỉnh giá năm 2018 (1.211 điểm). Kết phiên VN-INDEX tăng 15,27 điểm (+1,26%) lên mức 1.224.97 điểm hướng đến vùng giá 1.235 điểm -1.255 điểm tương ứng vùng đỉnh tháng 08 và 09/2023. HNX-INDEX tăng 0,33 điểm (+0,14%) lên mức 233,37 điểm. Độ rộng duy trì tích cực với 387 mã tăng giá (16 mã tăng trần), 277 mã giảm giá (06 mã giảm sàn) và 148 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết gia tăng mạnh lên 26.369,07 tỷ đồng giao dịch, vượt mức trung bình với khối lượng giao dịch trên VN30 tăng mạnh 57,04% so với phiên trước thể hiện thị trường tích cực, lực cầu, dòng tiền ngắn hạn luân chuyển liên tục và gia tăng đột biến trong nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Khối ngoại gia tăng giao dịch, mua ròng trở lại trên HOSE với giá trị 137,74 tỷ đồng, hỗ trợ tích cực tâm lý của thị trường, tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 5,08 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PboC) ngày 18/2/2024 đã giữ nguyên lãi suất khi cấp các khoản vay trung hạn (MLF), do việc chưa chắc chắn về thời điểm Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) hạ lãi suất. Một số nhà đầu tư và quan sát thị trường nhận định sẽ có thêm các biện pháp nới lỏng chính sách tiền tệ trong những tháng tới để hỗ trợ nền kinh tế lớn thứ hai thế giới sau khi PboC giảm mạnh tỷ lệ dự trữ của các ngân hàng vào đầu tháng này.

Sau diễn biến tích cực phiên trước, nhóm cổ phiếu VIC, VHM, VRE ... tiếp tục có diễn biến rất nổi bật trong phiên hôm nay khi tăng giá mạnh, thanh khoản rất đột biến với VIC (+6,94%), VRE (+6,89%), VHM (+6,67%), bên cạnh các mã tích lũy kéo dài, chưa tăng giá mạnh trong VN30 như POW (+4,35%), MSN (+4,08%), GAS (+3,52%)... thay thế nhóm cổ phiếu ngân hàng dẫn dắt thị trường vượt đỉnh giá cao nhất năm 2018.

Các cổ phiếu dầu khí sau giai đoạn tích lũy đa số mã cũng tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh như BSR (+5,82%), PVB (+3,86%), PLX (+2,69%), OIL (+1,98%)... các mã nhóm phân bón với LAS (+4,49%), DPM (+2,49%), DDV (+1,85%)...

Các cổ phiếu bất động sản, khu công nghiệp có diễn biến khá phân hóa khi đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản giảm như FIR (-3,37%), NLG (-1,40%), PDR (-1,18%)... SIP (-1,75%), IDC (-0,89%), LHG (-0,72%)... ngoài các mã tăng giá mạnh của nhóm cổ phiếu VIC, CCL (+6,89%), NRC (+6,00%)...

Các cổ phiếu ngân hàng đa số cũng biến động trong biên độ hẹp, thanh khoản suy giảm với các mã tăng giá khá nổi bật như PGB (+8,21%), MSB (+2,63%), BID (+1,54%)... và các mã chịu áp lực điều chỉnh với NVB (-1,75%), LPB (-1,39%), ABB (-1,18%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 tăng 8,5 điểm (+0,69%), chênh lệch dương 0,3 điểm so với VN30, thu hẹp mạnh so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng 12,40% so với phiên trước, thể hiện các vị thế mua gia tăng, nhưng vẫn dưới mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 vẫn duy trì tăng trưởng trên vùng hỗ trợ gần nhất quanh 1.225 điểm, hướng đến vùng kháng cự mạnh 1.240 điểm -1.262 điểm tương ứng vùng đỉnh cũ tháng 08,09/2023. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch dương từ 3,3 điểm đến -4 điểm so với VN30. Mức chênh lệch thu hẹp so với VN30, 02 kỳ hạn lớn chênh lệch âm, cho thấy các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, nhưng bắt đầu xem xét đồng các vị thế mua khi VN30 hướng đến vùng kháng cự mạnh, phòng ngừa rủi ro ở kỳ hạn lớn khi VN30 đang trong vùng quá mua ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Phiên đầu tuần thị trường tiếp tục vận động tích cực như đã dự báo, VnIndex tiếp tục duy trì xu hướng tăng và đang hướng tới tiệm cận trên của kênh tích lũy trung hạn kỳ vọng, tương ứng quanh 1.250 điểm. Chốt phiên VnIndex tăng +15,27 điểm (+1,26%) và đóng cửa ở 1.224,97 điểm. Trong ngắn hạn đà tăng của VnIndex có thể sẽ gặp khó khăn bởi thị trường sẽ có rung lắc và có thể điều chỉnh khi tiệm cận vùng 1.250 điểm.

Về trung hạn VnIndex duy trì vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường vận động tích cực và Vn-Index đã vượt lên trên cân tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm và sắp tiệm cận mạnh 1.250 điểm như chúng tôi đã kỳ vọng và dự báo, chúng tôi cũng đã có khuyến nghị cho những nhà đầu tư ngắn hạn tích cực giải ngân trong các phiên vừa qua. Thị trường có thể sẽ có rung lắc trong thời gian tới, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định, nếu muốn giải ngân thêm nên chờ đợi các giai đoạn điều chỉnh của thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: n giao dịch ngày:

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	34.95	31-33	38-39	29	25.7	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
DPR	34.85	31-32	36-37	29	14.7	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	34.30	31-32	36-37	30	16.4	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.75	27.5-28.3	31-32	26	27.6	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
PVS	37.50	36.8-37.8	40-41	35	20.7	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.40	22.3	28-28.5	25	18.4%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	56.20	45.1	56-58	53	24.6%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.75	27.55	30-31	28	4.4%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.30	18.09	23-24	19	6.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Đề xuất tăng lương hưu thêm 8% từ ngày 1/7/2024

Mức điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng cần tăng thêm 8%, áp dụng từ ngày 1/7/2024, sẽ giúp giảm bớt sự chênh lệch giữa người hưởng lương hưu trước cải cách tiền lương, theo đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam... Góp ý gửi đến Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về phương án điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của năm 2024, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề xuất tăng thêm 8% từ ngày 1/7/2024. Bảo hiểm xã hội Việt Nam cũng đề xuất sửa đổi quy định về cách tính mức bình quân tiền lương đóng bảo hiểm xã hội để tính lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

Vàng trong nước giảm giá ngày Thần Tài dù thế giới tăng

Diễn biến giá vàng trong nước đầu giờ sáng nay phản ánh sự trầm lắng của nhu cầu trong ngày vía Thần Tài, khi giá ít biến động và thậm chí giảm dù giá vàng thế giới đang tăng... Giá vàng thế giới khởi động tuần giao dịch mới trong xu thế tăng nhưng giá vàng trong nước sáng nay (19/2) giảm so với cuối tuần. Đáng chú ý, giá vàng trong nước đi xuống dù hôm nay là ngày vía Thần Tài - thời điểm hàng năm thường chứng kiến nhu cầu vàng và giá vàng trong nước tăng mạnh. Lúc hơn 8h sáng, Tập đoàn Phú Quý niêm yết giá vàng miếng SJC cho thị trường Hà Nội ở mức 75,4 triệu đồng/lượng (mua vào) và 78 triệu đồng/lượng (bán ra).

Chủ tịch UBCKNN: Chứng khoán năm 2024 dự báo sẽ có gam màu tươi sáng hơn

Theo Chủ tịch UBCKNN Vũ Thị Chân Phương, thị trường 2024 sẽ có thêm nhiều bước chuyển tích cực, mạnh mẽ, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước, là kênh dẫn vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế. Bên lề Buổi lễ Đánh công Khai trương giao dịch đầu Xuân Giáp Thìn 2024 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) sáng nay (19/2), Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Vũ Thị Chân Phương đã có những chia sẻ.

Trung Quốc giữ nguyên lãi suất đối với các khoản vay trung hạn

PboC sẽ giữ nguyên lãi suất đối với các khoản vay MLF trị giá 500 tỷ nhân dân tệ (69,51 tỷ USD) kỳ hạn 1 năm đối với một số tổ chức tài chính ở mức 2,5%. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PboC), ngân hàng trung ương, ngày 18/2 đã giữ nguyên lãi suất khi cấp các khoản vay trung hạn (MLF), do việc chưa chắc chắn về thời điểm Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) hạ lãi suất đã hạn chế khả năng hành động của Trung Quốc về chính sách tiền tệ. Trung Quốc đang nỗ lực cân bằng hành động để hỗ trợ nền kinh tế trong thời điểm mà các dấu hiệu về sức ép giảm phát dai dẳng đã đưa đến kêu gọi tăng cường các biện pháp kích thích.

TIN DOANH NGHIỆP

Trong tháng 1, Viettel Construction (CTR) đạt 7,4% mục tiêu lợi nhuận năm

Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Construction, mã CTR) cho biết đã hoàn thành 7,4% mục tiêu lợi nhuận trước thuế trong tháng 1/2024, đạt 49,8 tỷ đồng. Trong tháng đầu năm 2024, CTR ghi nhận 868,7 tỷ đồng doanh thu, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, mảng vận hành khai thác đạt 450,5 tỷ đồng, chiếm 52% tỷ trọng doanh thu; mảng xây lắp đạt 261,3 tỷ đồng, chiếm 30%; mảng giải pháp và dịch vụ kỹ thuật đạt 109,4 tỷ đồng, chiếm 13%; mảng hạ tầng cho thuê đạt 44,4 tỷ đồng, chiếm 5%. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của CTR đạt 49,8 tỷ đồng, tăng 17% so với kết quả năm 2023.

Văn Phú Invest (VPI) phát hành thành công 6,5 triệu trái phiếu ra công chúng

Văn Phú - Invest đã thông báo về việc chào bán 6,5 triệu trái phiếu ra công chúng từ đầu tháng 11/2023. Theo đó, đây là loại hình trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm. Kỳ hạn của lô trái phiếu này là 36 tháng, trả lãi 6 tháng/lần. Lãi suất cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, các kỳ tiếp theo là lãi suất thả nổi (được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank, VietinBank, BIDV, Agribank + 4%, nhưng không thấp hơn 9,5%/năm). Văn Phú - Invest đã dùng 2 tài sản để bảo đảm cho việc phát hành lô trái phiếu này.

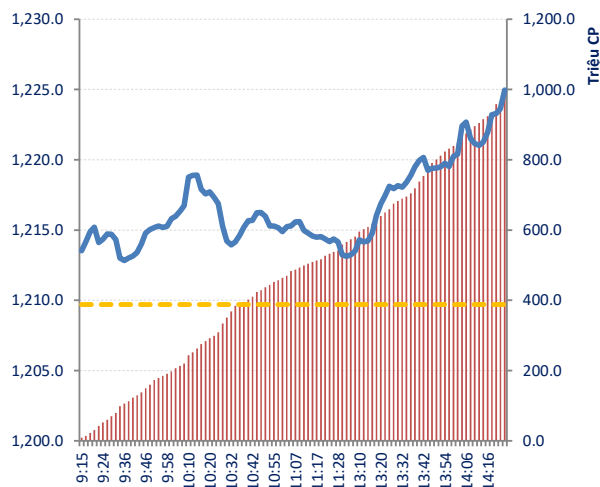
Chứng khoán Mirae Asset đặt mục tiêu lãi trước thuế 2024 tăng hơn 23%, phát triển kênh giao dịch không môi giới

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 dự kiến diễn ra ngày 13/03 tới, CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) đặt mục tiêu doanh thu và lãi trước thuế lần lượt đạt 2,730 tỷ đồng và 913 tỷ đồng, tương ứng tăng 8.5% và 23.4% so với thực hiện năm trước. Kế hoạch 2024 của Công ty là tiếp tục đẩy mạnh mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán với mục tiêu nâng thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm trên sàn HOSE của Công ty vào top 5, tức thắng một hạng so với top 6 năm 2023.

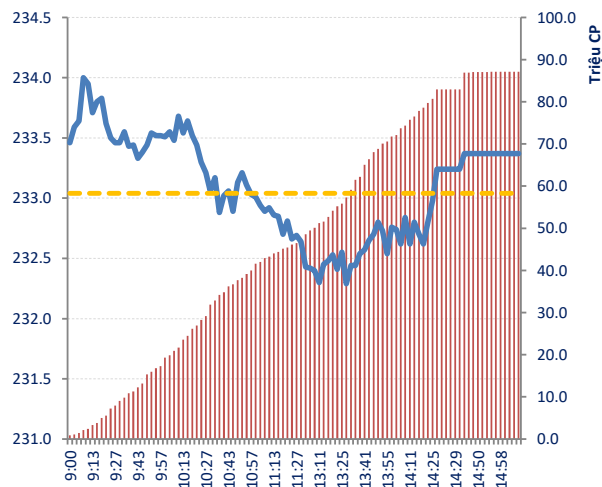
Cảng Xanh Vip sắp trả cổ tức còn lại 2023 bằng tiền, tỷ lệ 30%

CTCP Cảng Xanh Vip (UPCoM: VGR) công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2024, với kế hoạch doanh thu thấp nhất trong 4 năm trở lại đây. Ngoài ra, Công ty sẽ trả cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 30%. Như vậy, 2023 là năm thứ hai liên tiếp, Công ty giữ nguyên tổng tỷ lệ cổ tức 40%, tương ứng mức chi khoảng 253 tỷ đồng. Với tỷ lệ sở hữu 74.35% vốn, CTCP Container Việt Nam (HOSE: VSC) dự kiến nhận về 188 tỷ đồng cổ tức từ VGR.

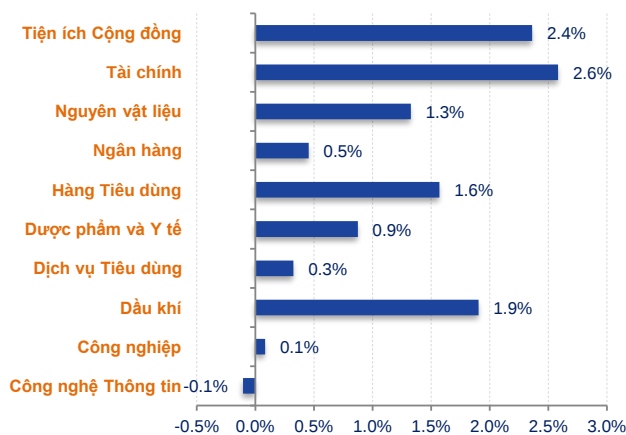
KLGD và VN-Index trong phiên



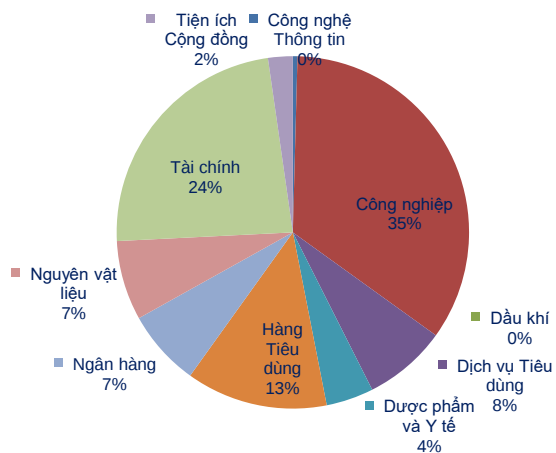
KLGD và HNX-Index trong phiên



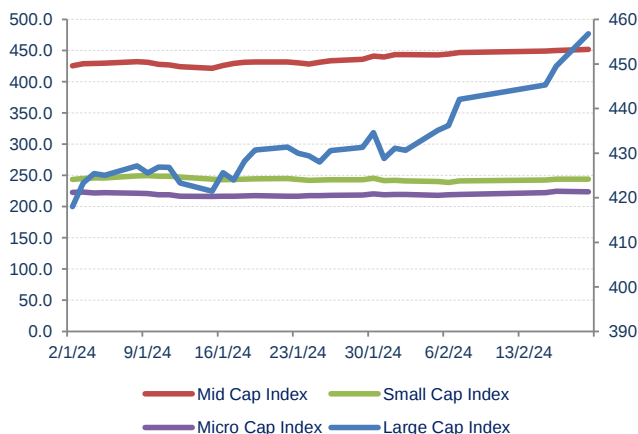
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



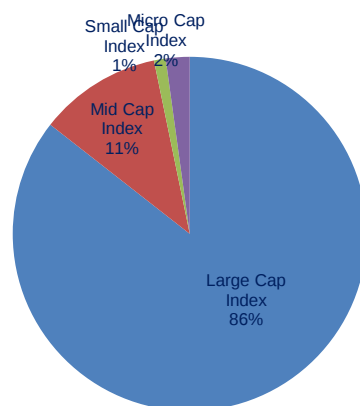
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	4,933,294	VND	6,357,542	1	SHS	436,771	PVS	363,916
2	VHM	4,369,208	DBC	2,152,700	2	DTD	292,660	MBS	161,795
3	EVF	2,976,654	MWG	1,305,700	3	IDJ	147,700	BVS	81,300
4	VIC	2,395,177	GEX	1,266,768	4	LAS	125,400	INN	79,700
5	HPG	1,599,890	PDR	1,095,087	5	DHT	107,900	VIG	78,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	28.60	29.20	↑ 2.10%	47,187,940	SHS	17.90	17.90	→ 0.00%	14,969,896
VND	23.20	22.95	↓ -1.08%	41,592,100	CEO	21.70	21.70	→ 0.00%	7,077,587
SSI	35.00	35.20	↑ 0.57%	32,834,200	PVS	37.20	37.50	↑ 0.81%	6,052,533
VIX	17.95	17.90	↓ -0.28%	32,056,820	MBS	27.20	27.10	↓ -0.37%	5,820,290
MSB	15.20	15.60	↑ 2.63%	32,030,600	HUT	19.20	19.20	→ 0.00%	4,342,454

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
POM	4.88	5.22	0.34	↑ 6.97%	HGM	50.00	55.00	5.00	↑ 10.00%
VIC	43.95	47.00	3.05	↑ 6.94%	SGD	13.00	14.30	1.30	↑ 10.00%
MCP	39.80	42.55	2.75	↑ 6.91%	TSB	43.80	48.10	4.30	↑ 9.82%
VFG	57.90	61.90	4.00	↑ 6.91%	PCG	6.30	6.90	0.60	↑ 9.52%
CCL	7.69	8.22	0.53	↑ 6.89%	MCO	12.60	13.70	1.10	↑ 8.73%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSB	29.70	26.00	-3.70	↓ -12.46%	KSQ	4.20	3.80	-0.40	↓ -9.52%
LEC	6.60	6.14	-0.46	↓ -6.97%	NFC	13.90	12.60	-1.30	↓ -9.35%
NO1	11.50	10.70	-0.80	↓ -6.96%	CET	5.90	5.50	-0.40	↓ -6.78%
HAS	7.80	7.26	-0.54	↓ -6.92%	L61	4.50	4.20	-0.30	↓ -6.67%
LGC	56.40	52.70	-3.70	↓ -6.56%	EBS	12.30	11.50	-0.80	↓ -6.50%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	47,187,940	6.9%	1,175	24.3	1.6
VND	41,592,100	13.0%	1,657	14.0	1.7
SSI	32,834,200	10.1%	1,531	22.9	2.3
VIX	32,056,820	11.6%	1,444	12.4	1.4
MSB	32,030,600	16.0%	2,322	6.5	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	14,969,896	5.7%	688	26.0	1.4
CEO	7,077,587	3.1%	408	53.2	1.8
PVS	6,052,533	6.6%	1,812	20.5	1.3
MBS	5,820,290	12.3%	1,334	20.4	2.4
HUT	4,342,454	0.6%	82	234.5	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	↑ 7.0%	-45.6%	(3,445)	-	0.9
VIC	↑ 6.9%	1.5%	533	82.4	1.1
MCP	↑ 6.9%	7.6%	1,207	33.0	2.4
VFG	↑ 6.9%	24.8%	7,079	8.2	1.9
CCL	↑ 6.9%	8.7%	971	7.9	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HGM	↑ 10.0%	28.8%	4,577	10.9	3.0
SGD	↑ 10.0%	2.6%	406	32.0	0.9
TSB	↑ 9.8%	5.3%	627	69.8	3.7
PCG	↑ 9.5%	0.3%	25	257.0	0.7
MCO	↑ 8.7%	0.6%	80	158.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	4,933,294	12.4%	1,940	11.6	1.4
VHM	4,369,208	20.0%	7,607	5.6	1.0
EVF	2,976,654	5.1%	748	20.9	1.3
VIC	2,395,177	1.5%	533	82.4	1.1
HPG	1,599,890	6.9%	1,175	24.3	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	436,771	5.7%	688	26.0	1.4
DTD	292,660	19.5%	4,328	6.5	1.1
IDJ	147,700	5.8%	671	8.9	0.5
LAS	125,400	10.7%	1,316	13.5	1.4
DHT	107,900	9.1%	1,147	23.5	2.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	500,783	21.7%	5,910	15.2	3.0
BID	276,756	19.0%	3,781	12.8	2.3
CTG	189,292	17.0%	3,723	9.5	1.5
VHM	185,931	20.0%	7,607	5.6	1.0
GAS	175,930	18.4%	5,053	15.2	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,579	22.6%	4,221	13.3	3.0
PVS	17,780	6.6%	1,812	20.5	1.3
HUT	17,136	0.6%	82	234.5	1.5
SHS	14,556	5.7%	688	26.0	1.4
THD	13,590	3.0%	470	75.1	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MHC	2.59	4.8%	618	13.0	0.6
DC4	2.55	15.8%	1,946	6.0	0.9
NHA	2.54	1.4%	143	119.8	1.7
VPD	2.46	1.3%	232	77.3	1.0
QCG	2.36	0.3%	44	198.6	0.6

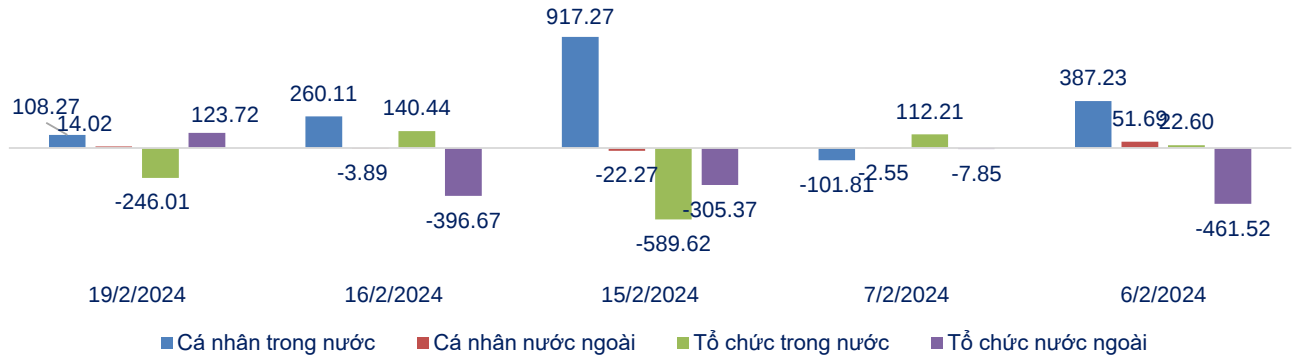
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VGS	2.56	6.1%	1,090	21.1	1.2
EVS	2.50	1.9%	228	35.5	0.7
VIG	2.42	9.6%	685	11.1	1.0
TKG	2.35	2.0%	205	37.0	0.7
CEO	2.28	3.1%	408	53.2	1.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	146.58	13.0%	1,657	14.0	1.7
DBC	80.59	0.5%	103	279.2	1.5
MWG	78.50	0.7%	115	404.1	2.9
VNM	47.13	26.2%	4,248	16.5	4.2
TCB	45.82	14.7%	5,118	7.5	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-172.12	20.0%	7,607	5.6	1.0
VRE	-132.30	12.4%	1,940	11.6	1.4
VIC	-106.41	1.5%	533	82.4	1.1
MSN	-66.63	1.1%	293	225.6	2.5
ACB	-43.34	24.8%	4,131	6.7	1.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	45.96	23.4%	5,105	20.6	4.5
GVR	3.32	4.8%	646	41.2	1.9
NLG	3.10	3.6%	1,259	31.2	1.1
HDG	2.22	10.3%	2,327	11.6	1.1
VCI	1.45	7.1%	1,127	39.9	2.7

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-7.64	10.1%	1,531	22.9	2.3
STB	-7.38	18.3%	4,094	7.5	1.3
DGC	-4.73	27.2%	8,186	11.7	3.0
VNM	-3.76	26.2%	4,248	16.5	4.2
CTG	-3.67	17.0%	3,723	9.5	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	43.34	24.8%	4,131	6.7	1.5
HCM	38.43	8.3%	1,216	22.2	1.9
AAA	31.17	4.8%	761	14.3	0.7
MSB	20.00	16.0%	2,322	6.5	1.0
DCM	17.17	10.7%	2,091	16.2	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-45.82	14.7%	5,118	7.5	1.0
FPT	-45.61	23.4%	5,105	20.6	4.5
EVF	-43.41	5.1%	748	20.9	1.3
NVL	-38.18	1.8%	413	42.9	0.8
DGC	-30.43	27.2%	8,186	11.7	3.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	193.10	20.0%	7,607	5.6	1.0
VRE	116.40	12.4%	1,940	11.6	1.4
VIC	109.87	1.5%	533	82.4	1.1
MSN	86.58	1.1%	293	225.6	2.5
HPG	48.24	6.9%	1,175	24.3	1.6

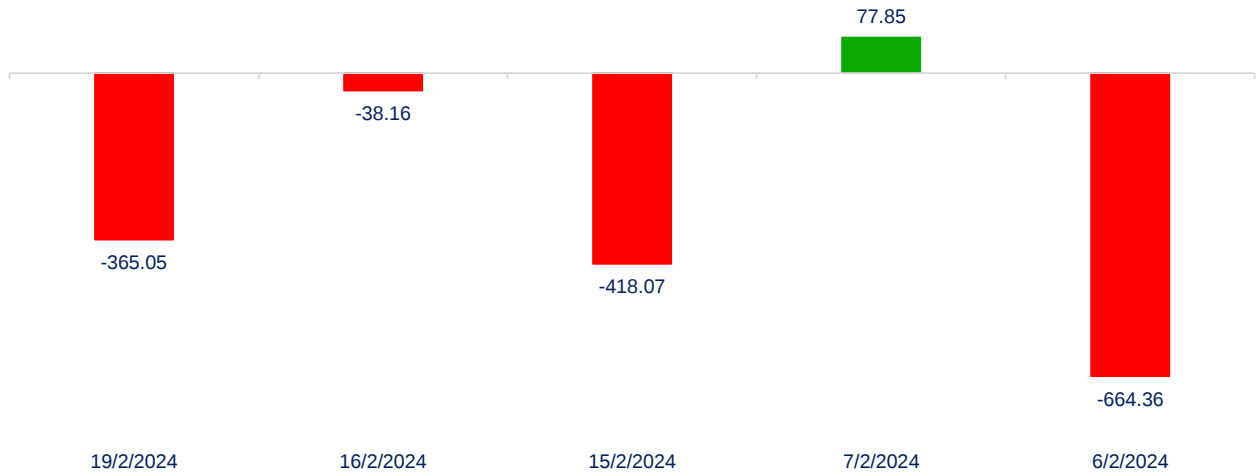
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-145.67	13.0%	1,657	14.0	1.7
DBC	-61.17	0.5%	103	279.2	1.5
MWG	-60.99	0.7%	115	404.1	2.9
FPT	-45.64	23.4%	5,105	20.6	4.5
VNM	-45.16	26.2%	4,248	16.5	4.2

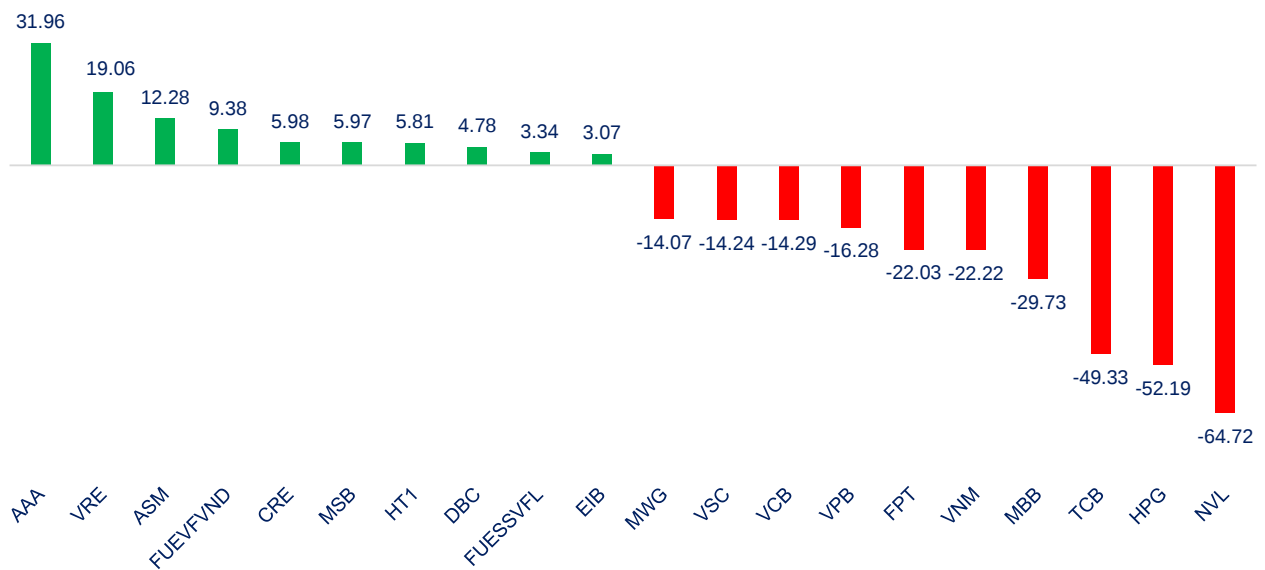


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn